TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 160/2019/ HS-ST
Ngày 25 -11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hưng
Bà Dương Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:* ông Phạm Văn Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2019/ HSST, ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2019/HSST- QĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Dương Văn S, sinh năm 1982

- Nơi thường trú: Xóm N, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

- Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953; Con bà Dương Thị T, sinh năm 1955; Gia đình có 04 chị em bị cáo là con thứ 03; chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: 01 Ngày 08/01/2019, bị Công an xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi *"Trộm cắp tài sản"* ngày 10/01/2019 S chấp hành xong khoản tiền phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2019 đến nay (có mặt tại phiên toà)

Người bị hại: Dương Quốc D, sinh năm 1986

Trú tại: Xóm N, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Dương Văn T, sinh năm 1989

Trú tại: Xóm N, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Chị Phạm Thị G, sinh năm 1980

Trú tại: Xóm C, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Có mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng:

1. Ông Hà Tiến D, sinh năm 1973

Trú tại: Xóm N, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1959

Trú tại: Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Chị Dương Thị P, sinh năm 1977

Trú tại: Xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn S là người nghiện chất ma túy. Do S biết tại khu vực bãi cát thuộc Xóm N, xã B, huyện P có tàu cuốc khai thác cát sỏi của anh Dương Quốc D là người cùng xóm với S không có người trông coi, nên S và Dương Văn T, sinh năm 1989 (ở cùng xóm với S) đã nhiều lần trộm cắp một số bộ phận, phụ tùng của chiếc tàu trên đem bán lấy tiền tiêu sài và mua ma túy sử dụng, cụ thể:

Khoảng 22 giờ một ngày đầu tháng 8 năm 2019, Dương Văn S và Dương Văn T rủ nhau đến khu vực chiếc tàu cuốc đang đỗ để trộm cắp phụ tùng. Trước khi đi, S và T đã chuẩn bị kìm, cờ lê, mỏ lết để làm dụng cụ tháo các bộ phận của tàu. Khi lên tàu, T lên tàu dùng tay tháo được 06 chiếc sàng phân loại đá bằng kim loại lắp trên tàu và 01 con lăn. Sau khi Tháo xong, T và S cùng nhau khiêng lên trên bờ để cất giấu rồi cả hai đi về nhà. Khoảng 07 giờ ngày hôm sau, T và S đem 06 chiếc sàng và 01 con lăn đã trộm cắp được đến nhà Phạm Thị G, sinh năm 1980; Trú quán: xóm Chiễn 2, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là người làm nghề thu thu mua sắt vụn và bán cho Giao được 400.000 đồng, số tiền trên T và S đã cùng nhau tiêu sài hết. Khoảng 03 ngày sau, T đi một mình ra khu vực tàu cuốc của anh Dương Quốc D đang neo đậu. Đến nơi, T dùng tay tháo được 02 chiếc sàng phân loại đá bằng kim loại lắp trên tàu ra rồi T vác lần lượt 02 chiếc sàng đi cất giấu ở bờ sông Cầu thuộc Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (cách chỗ tàu neo đậu khoảng 20 mét), xong T đi về nhà,

những dụng cụ sử dụng để tháo các bộ phận, S và T cất giấu tại khu vực tàu. Khoảng 11 giờ ngày hôm sau, T gặp S và rủ S đi vào chỗ T cất giấu 02 chiếc sàng trộm cắp được đem đi bán, S đồng ý. Sau đó T và S mang 02 chiếc sàng đến bán cho Phạm Thị G sinh năm 1980; Trú quán: xóm Chiễn 2, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên được 700.000 đồng, số tiền trên cả hai cùng nhau ăn tiêu hết.

Khoảng 20 giờ ngày 18/8/2019, Dương Văn S mang theo kìm, cờ lê, mỏ lết và búa rồi một mình đi đến khu vực tàu cuốc khai thác cát sỏi của anh Dương Quốc D đang neo đậu mục đích để tiếp tục trộm cắp các phụ tùng của tàu. Khi đến nơi, S lấy các dụng cụ đã cất dấu rồi dùng cờ lê tháo các bộ phận của 03 chiếc máy nổ lắp trên tàu rồi cho vào 03 bao tải. Tiếp đó, S dùng kìm để tháo các đinh chốt gắn các gầu cuốc với băng tải của tàu rồi tháo các gầu cuốc ra khỏi băng tải được 09 chiếc gầu cuốc. Sau đó, S vác 03 bảo tải linh kiện máy và 09 gầu cuốc lên bờ sông cất giấu. Khoảng 09 giờ ngày 19/8/2019, S đến nhà chị gái là Dương Thị P mượn xe mô tô BKS: 20H5-5335 rồi điều khiển xe mô tô đến nhà anh Hà Tiến D ở cùng xóm mượn một chiếc xe cải tiến rồi buộc càng xe vào chiếc xe mô tô BKS 20H5 - 5335. Sau đó S điều khiển xe mô tô kéo chiếc xe cải tiến đi đến khu vực cất giấu tài sản trộm cắp được rồi cho 03 bao tải linh kiện máy nổ và 09 gầu cuốc lên xe cải tiến rồi đi đến bán cho chị Phạm Thị G được 1.830.000 đồng, số tiền trên S đã tiêu sài cá nhân hết.

Khoảng 22 giờ ngày 20/8/2019, S tiếp đi bộ một mình từ nhà ra chỗ tàu cuốc rồi sử dụng kìm để tháo các đinh chốt gắn với các gầu cuốc trên băng tải của tàu rồi tháo các gầu cuốc ra khỏi băng tải và S đã tháo được 14 chiếc gầu cuốc và 37 đinh chốt. Sau khi tháo xong, S vận chuyển chiếc gầu cuốc thả xuống Sông Cầu cách tàu khoảng 5mét mục đích để cất giấu số gầu cuốc trên để sau này vớt lên đem bán. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 21/8/2019, S cho 37 chiếc đinh chốt vào một chiếc mũ cối nhặt trên tàu để lên bờ đi về. Khi S vừa đi lên bờ thì bị tổ công tác của Công an huyện P phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 37 đinh chốt hình trụ tròn bằng kim loại dài 8,5cm. 01 mỏ lết, 04 cờ lê các loại, 01 búa bằng kim loại, 01 mũ cối màu xanh đã cũ và 01 kìm.

Tại cơ quan điều tra Dương Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của Dương Văn S phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được như: biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48 ngày 27/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận:

+ 14 chiếc gầu bằng kim loại lắp trên băng tải tàu cuốc và 38 chốt bằng kim loại có tổng trị giá là 2.113. 000 đồng (Hai triệu một trăm mười ba nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 61 ngày 30/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận:

+ 09 chiếc gầu cuốc là linh kiện của tàu cuốc khai thác cát sỏi và các linh kiện lắp trên tàu cuốc, 08 chiếc sàng phân loại đá và 01 con lăn là linh kiện của tàu cuốc có tổng trị giá là 2.150.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Dương Văn S và Dương Văn T đã trộm cắp là 4.263.200 đồng; trong đó Dương Văn T đã chiếm đoạt tài sản có giá trị là 785.000 đồng; Dương Văn S đã chiếm đoạt tài sản có trị giá là 3.478.200 đồng.

Lời khai nhận tội của Dương Văn S phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của bị hại, người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng tạm giữ, kết luận định giá, cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án là:

+ 38 chiếc đinh chốt hình trụ tròn bằng kim loại dài 8,5cm (37 chiếc thu giữ của bị cáo S và 01 chiếc thu giữ tại hiện trường); 14 gầu cuốc bằng kim loại hiện đã được trả lại cho chủ sở hữu là anh Dương Quốc D quản lý sử dụng.

+ 09 chiếc gầu cuốc là linh kiện của tàu cuốc khai thác cát sỏi và các linh kiện lắp trên tàu cuốc, 08 chiếc sàng phân loại đá và 01 con lăn là linh kiện của tàu cuốc, hiện không thu hồi được.

Những vật chứng còn lại gồm: 01 mỏ lết, 04 cờ lê các loại, 01 búa bằng kim loại; 01 mũ cối màu xanh; 01 kìm; 01 điện thoại di động Masstel màu xanh; 01 con dao dài 43,5cm

Về phần dân sự: anh Dương Quốc D yêu cầu S và T phải bồi thường số tiền 2.150.000 đồng (là giá trị của 09 chiếc gầu của tầu cuốc, 08 chiếc sàng phân loại đá và 01 con lăn là linh kiện của tầu cuốc không thu hồi được).

Bản cáo trạng số 177/CT-VKSPB, ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Dương Văn S về tội: "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận: Giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị với Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản"

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Dương Văn S từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Dương Văn S và Dương Văn T phải bồi thường cho anh Dương Quốc D số tiền 2.150.000 đồng (là giá trị của 09 chiếc gầu của tầu cuốc, 08 chiếc sàng phân loại đá và 01 con lăn là linh kiện của tầu cuốc không thu hồi được).

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 mỏ lết, 04 cờ lê các loại, 01 búa bằng kim loại; 01 mũ cối màu xanh; 01 kìm; 01 con dao dài 43,5cm. Tạm gữi 01 điện thoại di động Masstel màu xanh.

- Truy thu số tiền bị cáo Sáng thu lợi bất chính là 780.000đ.

- Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện P; Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện P; Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản bắt quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 08 đến ngày 21/8/2019, tại khu vực bãi cát sông Cầu thuộc Xóm N, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Dương Văn S đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 38 đinh chốt hình trụ tròn bằng kim loại, 14 gầu cuốc bằng kim loại, 01 con lăn bằng kim loại (là những chi tiết của tàu cuốc hút cát) thuộc quyền sở hữu của anh Dương Quốc D đem bán lấy tiền tiêu sài. Tổng giá trị tài sản mà S đã chiếm đoạt là 3.478.200 đồng *(Ba triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm đồng)*

Hành vi nêu trên của Dương Văn S đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Nội dung của Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

…

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải; Phạm tội gây thiệt hại không lớn. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Dương Văn S không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng vì bị cáo không có tài sản riêng.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Ghi nhận anh Dương Quốc D đã nhận lại 38 chiếc đinh chốt hình trụ tròn bằng kim loại dài 8,5cm; 14 gầu cuốc bằng kim loại.

- Số tài sản không thu hồi được là 09 chiếc gầu của tầu cuốc, 08 chiếc sàng phân loại đá và 01 con lăn là linh kiện của tầu cuốc, nay bị hại là anh Dương Quốc D yêu cầu Dương Văn S và Dương Văn T bồi thường 2.150.000đ là phù hợp nên cần được chấp nhận. Tai phiên Tòa anh Dương Văn T tự nguyện bồi thường cho anh Dương Quốc D số tiền 1.100.000đ; Bị cáo Dương Văn S tự nguyện bồi thường 1.050.000đ. Anh Dương Quốc D chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo, do vậy HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

- Tổng số tiền bị cáo và Dương Văn T bán tài sản trộm cắp được là 2.930.000đ, nay anh Dương Quốc D yêu cầu bồi thường 2.150.000đ, số tiền còn lại 780.000đ là thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

- 01 mỏ lết, 04 cờ lê các loại, 01 búa bằng kim loại; 01 mũ cối màu xanh; 01 kìm; 01 con dao dài 43,5cm. Xét đây là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Masstel màu xanh thu giữ của bị cáo Dương Văn S xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo quản lý sử dụng. Tuy nhiên, bị cáo còn phải nộp 01 khoản tiền bồi thường và tiền án phí nên cần tiếp tục tạm gữi để đảm bảo công tác thi hành án.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính về cơ bản là phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần được chấp nhận..

[7] Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm giam bị cáo Dương Văn S với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[8] Trong vụ án này còn có Dương Văn T là người đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, giá trị tài sản mà T trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, bản thân T chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi nêu trên của T không cấu thành tội phạm hình sự, Đối với Phạm Thị G là người mua tài sản mà Dương Văn S và Dương Văn T trộm cắp; Dương Thị P là người đã cho S mượn xe mô tô; Hà Tiến D là người đã cho S mượn xe cải tiến, sau đó S sử dụng những phương tiện này để vận chuyển số tài sản trộm cắp được đem đi tiêu thụ. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định, khi mua những tài sản do S và T đem đến bán, Giao không biết đó là những tài sản do S và T trộm cắp mà có; chị Dương Thị P và anh Hà Tiến D không biết múc đích S mượn các phương tiện trên để vận chuyển tài sản trộm cắp được đem bán nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện P quyết định xử phạt vi phạm hành chính với T, không xử lý với Giao, Phượng, Dũng là phù hợp.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: bị cáo cáo **Dương Văn S** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt **Dương Văn S 15** *(mười lăm)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/8/2019.

3. Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Ra Quyết định tạm giam bị cáo **Dương Văn S** với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Ghi nhận anh Dương Quốc D đã nhận lại 38 chiếc đinh chốt hình trụ tròn bằng kim loại dài 8,5cm; 14 gầu cuốc bằng kim loại.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Dương Văn S bồi thường số tiền là: **1.050.000đ** *(một triệu, không trăm, năm mươi nghìn đồng)*; anh Dương Văn T tự nguyện bồi thường **1.100.000đ** *(Một triệu, một trăm nghìn đồng)* cho bị hại là anh Dương Quốc D.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Dương Quốc D có đơn yêu cầu thi hành, nếu bị cáo Dương Văn S và anh Dương Văn T không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 mỏ lết, 04 cờ lê các loại, 01 búa bằng kim loại; 01 mũ cối màu xanh; 01 kìm; 01 con dao dài 43,5cm cũ không còn giá trị sử dụng.

- Tạm giữ 01 điện thoại di động Masstel màu xanh số imel 67845 cũ của bị cáo Dương Văn S để đảm bảo công tác thi hành án.

- Truy thu số tiền 780.000 đồng do bị cáo Dương Văn Sáng thu lời bất chính nộp Ngân sách Nhà nước.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày15/11/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).*

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Văn S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Anh Dương Văn T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

7. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Lý

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKS ND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKS ND huyện P;*
- *Cơ quan điều tra CA huyện P;*
- *CQTHAHS Công an huyện P;*
- *CC T.H.A DS huyện P;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu: HS, VP, T.H.A HS./.*